

HỒ SƠ YÊU CẦU DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN

Số hiệu gói thầu:

Tên gói thầu:

Khám chuyên khoa nữ cho CB-NV
Công ty Quản lý bay miền Bắc

Dự án/dự toán mua sắm:

Khám chuyên khoa nữ cho CB-NV
Công ty Quản lý bay miền Bắc

Phát hành ngày:

28 / 04/2025

Ban hành kèm theo Quyết định:

1237/QĐ-QLBMB ngày 28/04/2025

Bên mời thầu



GIÁM ĐỐC

Lâm Phúc Anh Hà

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
HSYCCG	Hồ sơ yêu cầu chào giá
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15
Nghị định số 24/2024/NĐ-CP	Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà cung cấp
VND	Đồng Việt Nam

Phần 1. THỦ TỤC CHỈ ĐỊNH THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi gói chào giá

1. Bên mời Công ty Quản lý bay miền Bắc mời nhà cung cấp nhận HSYCCG gói thầu “Khám chuyên khoa nữ cho CB-NV Công ty Quản lý bay miền Bắc” thuộc dự toán “Khám chuyên khoa nữ cho CB-NV Công ty Quản lý bay miền Bắc”.

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Chi thường xuyên của Công ty Quản lý bay miền Bắc.

3. Thời gian thực hiện gói thầu là: 30 ngày, được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu dịch vụ.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 16 của Luật đấu thầu.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

1. Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

2. Nhà cung cấp là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

Nhà cung cấp là tổ chức, hộ kinh doanh không phải đáp ứng quy định về bảo đảm cạnh tranh tại điểm đ khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu, trừ trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà cung cấp tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYCCG

1. Trường hợp nhà cung cấp cần làm rõ HSYCCG thì gửi văn bản đến bên mời cung cấp trước 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng chào giá. Nội dung làm rõ HSYCCG được thể hiện bằng văn bản.

2. Trường hợp sửa đổi HSYCCG, bên mời cung cấp có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà cung cấp. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYCCG đến nhà thầu là tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng chào giá. Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi không đáp ứng quy định này, bên mời cung cấp thực hiện gia hạn thời điểm đóng chào giá tương ứng bảo đảm quy định về thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYCCG.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi tham gia chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham gia chào

giá.

2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là Việt Nam đồng.

3. Tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời cung cấp và nhà cung cấp liên quan đến việc tham gia chào giá phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời cung cấp có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSDX

Nhà cung cấp phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, thuật ngữ, thông số, yêu cầu về phạm vi cung cấp và các yêu cầu khác trong HSYCCG để chuẩn bị HSDX của mình gồm tất cả thông tin, tài liệu theo quy định của HSYCCG, bao gồm:

1. Đơn đề xuất chào giá theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà cung cấp liên danh theo Mẫu số 03 Chương III;
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp của nhà cung cấp, của người ký đơn đề xuất chào giá;
4. Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 8 Chương này;
5. Đề xuất về giá theo Mẫu số 04a, Mẫu số 04b Chương III;
6. Các nội dung khác (nếu có).

Mục 7. Giá chào

1. Giá chào do nhà cung cấp ghi trong đơn đề xuất chào giá bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói hàng hóa theo yêu cầu của HSYCCG, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng chào giá. .

2. Nhà cung cấp chào giá: Theo Mẫu số 04.1A Chương III.

3. Nhà cung cấp phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV và chào giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định tại theo Mẫu số 04.1A Chương III, bao gồm cả đơn giá (nếu có), thành tiền.

Mục 8. Thành phần đề xuất kỹ thuật

Nhà cung cấp phải nộp đề xuất kỹ thuật, trong đó mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc, thiết bị, nhân sự, lịch biểu thực hiện và các thông tin cần thiết khác theo quy định tại Chương IV để chứng minh tính phù hợp của đề xuất đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc.

Mục 9. Hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX phải bảo đảm theo yêu cầu là 30 ngày

kể từ ngày hết hạn nộp HSDX.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, bên mời cung cấp có thể đề nghị nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 10. Quy cách và chữ ký trong HSDX

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị một bản gốc và 03 bản chụp, ghi rõ "bản gốc HSDX" và "bản chụp HSDX" tương ứng. Nhà cung cấp cần ghi rõ tên gói hàng hóa, tên nhà cung cấp, tên bên mời cung cấp bên ngoài túi đựng HSDX. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

2. Tất cả các thành phần nêu tại Mục 6 Chương I phải được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký, đóng dấu. Trường hợp là nhà cung cấp liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà cung cấp liên danh theo phân công trong thỏa thuận liên danh.

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên phải bao gồm chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn đề xuất chỉ định thầu.

Mục 11. Thời điểm đóng thầu và mở thầu

1. HSDX do nhà cung cấp nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của bên mời cung cấp nhưng phải đảm bảo bên mời cung cấp nhận được trước thời điểm đóng thầu chào giá: 10 giờ 00 phút, ngày 08 tháng 5 năm 2025.

2. Mở chào giá:

Bên mời chào giá tiến hành mở chào giá công khai và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu chào giá. Bên mời chào giá chỉ mở các HSDX nhận được trước thời điểm đóng thầu chào giá theo yêu cầu của HSYCCG trước sự chứng kiến của đại diện các nhà cung cấp tham dự lễ mở thầu, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà cung cấp. Việc mở chào giá được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của nhà cung cấp và theo trình tự:

- a) Kiểm tra niêm phong;
- b) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về tên nhà cung cấp:
 - Tham dự độc lập hay liên danh;
 - Số lượng bản gốc, bản chụp;
 - Giá chào ghi trong đơn đề xuất chào giá;

- Giá trị giảm giá (nếu có);
- Thời gian có hiệu lực của HSDX;
- Thời gian thực hiện gói dịch vụ;
- Các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở thầu bao gồm các thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Biên bản mở chào giá phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời chào giá và các nhà cung cấp tham dự lễ mở chào giá. Biên bản này phải được gửi cho các nhà cung cấp nộp HSDX. Đại diện của bên mời chào giá phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự chào giá, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có), các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng HSDX.

Mục 12. Nhà cung cấp phụ

1. Trường hợp nhà cung cấp cần sử dụng thầu phụ thì phải kê khai danh sách thầu phụ theo Mẫu số 10a Chương III. Việc sử dụng nhà cung cấp phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà cung cấp. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà cung cấp phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà cung cấp phụ ngoài danh sách nhà cung cấp phụ đã kê khai chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà cung cấp chỉ được sử dụng nhà cung cấp phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà cung cấp phụ không vượt quá 0% giá dự thầu của nhà cung cấp.

Mục 13. Đánh giá HSDX và thương thảo về các đề xuất của nhà cung cấp

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II.

2. Trường hợp Bên mời cung cấp gửi HSYCCG cho một nhà cung cấp, trong quá trình đánh giá, bên mời cung cấp mời nhà cung cấp đến thương thảo (nếu có), làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung HSDX để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện gói chào giá.

Trường hợp bên mời cung cấp gửi HSYCCG cho nhiều hơn một nhà cung cấp và áp dụng thương thảo hợp đồng, bên mời cung cấp mời nhà cung cấp xếp thứ nhất đến thương thảo hợp đồng. Trong quá trình thương thảo, bên mời cung cấp có thể yêu cầu nhà cung cấp làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung HSDX để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói chào giá. Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời cung cấp báo cáo Chủ đầu tư xem

xét, quyết định mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 14. Điều kiện đối với nhà cung cấp được đề nghị trúng chào giá

Nhà cung cấp được đề nghị trúng chào giá khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;
2. Có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYCCG;
3. Có giá trị phân sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;
4. Có giá dự chào giá sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất đối với trường hợp bên mời cung cấp gửi hồ sơ yêu cầu cho nhiều hơn một nhà cung cấp;
5. Có giá đề nghị trúng chào giá (giá dự chào giá sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có)) không vượt giá dự toán gói chào hàng hóa được duyệt.

Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà cung cấp được phê duyệt, bên mời cung cấp gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp kèm theo dự thảo hợp đồng và kế hoạch hoàn thiện hợp đồng đến nhà cung cấp trúng chào giá.

Mục 16. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết, HSDX của nhà cung cấp được lựa chọn còn hiệu lực.
2. Tại thời điểm ký kết, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYCCG.
3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói chào giá theo đúng tiến độ.

Mục 17. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà cung cấp được chỉ định thầu phải cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYCCG. Trường hợp nhà cung cấp sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu thư bảo lãnh trong HSYCCG này hoặc Mẫu thư bảo lãnh khác được chủ đầu tư chấp thuận.
2. Nhà cung cấp không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 18. Giải quyết kiến nghị

1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà cung cấp được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp, kết quả lựa chọn nhà cung cấp theo quy định tại các điều 89, 90 và 91 Luật Đấu thầu.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư:

- Công ty Quản lý bay miền Bắc.

+ Địa chỉ: Số 5/200 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội, Việt Nam.

+ E-mail: Norats@vatm.vn.

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền:

- Tên người có thẩm quyền: Ông Lâm Phúc Anh Hà – Giám đốc Công ty Quản lý bay miền Bắc.

+ Địa chỉ: Số 5/200 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội, Việt Nam.

+ E-mail: Lamphucanhha@gmail.com.

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: Không có.

Mục 19. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà cung cấp

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà cung cấp có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ sau:

- Công ty Quản lý bay miền Bắc.

+ Địa chỉ: Số 5/200 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội, Việt Nam.

+ E-mail: Norats@vatm.vn.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

1.1. Kiểm tra HSDX

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo quy định tại Mục 6 Chương I;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn đề xuất chào giá được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYCCG; thời gian ký đơn dự chào giá phải sau thời điểm phát hành HSYCCG; không đề xuất các giá dự chào giá khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư. Đối với nhà cung cấp liên danh, đơn dự chào giá phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự chào giá theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;
- c) Hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 Chương I;
- d) Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự chào giá hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự chào giá, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này (Mẫu số 04a, Mẫu số 04b, Mẫu số 04c, Mẫu số 04d, Mẫu số 04e Chương III);
- đ) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I.
- e) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng chào giá, nhà cung cấp không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà cung cấp tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà cung cấp đó trúng chào giá.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này, nhà cung cấp được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp phụ (trừ nhà cung cấp phụ đặc biệt) sẽ không được xem xét khi đánh giá HSĐX của nhà cung cấp. Bản thân nhà cung cấp phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói chào giá cụ thể. Nhà cung cấp được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. Năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSĐX của nhà cung cấp. Bản thân nhà cung cấp phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp không phải VND thì khi lập HSĐX, nhà cung cấp phải quy đổi về VND nêu tại HSYCCG để làm cơ sở đánh giá HSĐX. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà cung cấp là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói chào giá thì nhà cung cấp phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 10b Chương III. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói chào giá.

Bảng số 01
BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
Stt	Mô tả	Yêu cầu	Nhà cung cấp độc lập	Nhà cung cấp liên danh	
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà cung cấp	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽¹⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà cung cấp không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà cung cấp ⁽²⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế ⁽³⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này
3	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽⁴⁾	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁵⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà cung cấp có giá trị tối thiểu là 918.680.000 ⁽⁶⁾ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 09
4	Kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn tương tự	Nhà cung cấp đã hoàn thành ⁽⁷⁾ tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà cung cấp chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà cung cấp phụ ⁽⁸⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽⁹⁾ đến thời điểm đóng thầu Trong đó: Hợp đồng tương tự là hợp đồng: - Có tính chất tương tự: hợp đồng cung cấp dịch vụ khám chuyên khoa nữ (0); - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 275.604.000 ⁽¹¹⁾ VND. Trường hợp gói thầu có nhiều loại dịch khác nhau thì việc đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự được thực hiện theo Bảng Y	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận) Mẫu số 06

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà cung cấp bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà cung cấp không hoàn thành và nhà cung cấp không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà cung cấp không hoàn thành, không được nhà cung cấp chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà cung cấp.

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà cung cấp đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà cung cấp nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà cung cấp liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà cung cấp. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà cung cấp.

(3) Nhà cung cấp cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà cung cấp là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà cung cấp kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà cung cấp nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà cung cấp (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà cung cấp là 01/01 – 31/12 thì nhà cung cấp phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022.

(4) Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp đó theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường.

(5) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà cung cấp có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSYCCG thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà cung cấp thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà cung cấp đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSYCCG thì nhà cung cấp vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà cung cấp là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà cung cấp phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà cung cấp (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1; Y-2...).

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà cung cấp là 01/01 – 31/12 và HSYCCG yêu cầu nhà cung cấp nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà cung cấp phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

Ví dụ: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời

điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà cung cấp phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà cung cấp được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà cung cấp được tiếp tục đánh giá.

(6) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = $[(\text{Giá gói thầu} - \text{giá trị thuế VAT}) / \text{thời gian thực hiện gói thầu theo năm}] \times k$. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1 đến 1,5.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = $(\text{Giá gói thầu} - \text{giá trị thuế VAT}) \times k$. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,0.

Đối với gói thầu bảo hiểm thì có thể đưa ra yêu cầu về doanh thu bình quân hằng năm cao hơn so với cách tính theo công thức nêu trên nhưng phải bảo đảm không được làm hạn chế sự tham gia của nhà cung cấp.

(7) Đối với các hợp đồng mà nhà cung cấp đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà cung cấp phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà cung cấp thực hiện.

(8) Đối với các hợp đồng mà Bên mời thầu, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà cung cấp đã thực hiện với tư cách nhà cung cấp phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(9) Ghi thời gian yêu cầu thông thường là từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(10), (11) Hợp đồng tương tự:

Hợp đồng tương tự là hợp đồng có tính chất tương tự với gói thầu đang xét, có giá trị hợp đồng thông thường khoảng **30%** giá của gói thầu.

(i) Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà cung cấp trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị của hợp đồng tương tự trong khoảng **20%** giá của gói thầu đang xét.

(ii) Trường hợp gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn có khối lượng mời

thầu lớn thì có thể điều chỉnh giảm quy định về quy mô của hợp đồng tương tự xuống còn **20%** quy mô của gói thầu đang xét. Trong trường hợp này, chủ đầu tư phải bảo đảm nhà cung cấp được lựa chọn có đủ khả năng thực hiện gói thầu đáp ứng tiến độ, chất lượng.

(iii) Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều hạng mục công việc khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu, Bên mời thầu đưa ra yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu (phải nêu rõ các hạng mục chính) hoặc yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở tất cả các hạng mục của gói thầu.

(iv) Việc đánh giá về quy mô, tính chất của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

- Trường hợp các hạng mục công việc của gói thầu đang xét cần sự gắn kết với nhau thì nhà cung cấp phải chứng minh bằng ít nhất 01 hợp đồng đã hoàn thành cung cấp đầy đủ các hạng mục tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu **30%** giá trị của gói thầu đang xét.

- Trường hợp các hạng mục công việc của gói thầu đang xét là độc lập với nhau thì nhà cung cấp có thể chứng minh theo một hoặc nhiều cách như sau:

- + Có các hợp đồng đã hoàn thành cung cấp đầy đủ các hạng mục tương tự với tổng giá trị đáp ứng tối thiểu **30%** (hoặc **20%** trong trường hợp (i) và (ii) nêu trên) giá trị của gói thầu đang xét (**được cộng gộp giá trị của nhiều hợp đồng để xác định tổng giá trị các hợp đồng tương tự đáp ứng yêu cầu mà không yêu cầu giá trị của mỗi hợp đồng tương tự phải đáp ứng tối thiểu 30% giá gói thầu**) hoặc

- + Có các hạng mục công việc tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện) và bảo đảm tổng giá trị của từng hạng mục công việc tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu **30%** (hoặc **20%** trong trường hợp (i) và (ii) nêu trên) giá trị của từng hạng mục công việc tương ứng trong gói thầu đang xét và tổng giá trị các hạng mục đã thực hiện phải đáp ứng tối thiểu **30%** (hoặc **20%** trong trường hợp (i) và (ii) nêu trên) giá trị của gói thầu đang xét (**được cộng gộp giá trị của hạng mục tương tự trong các hợp đồng khác nhau để xác định tổng giá trị hạng mục tương tự đáp ứng yêu cầu mà không yêu cầu giá trị của hạng mục tương tự trong mỗi hợp đồng phải đáp ứng tối thiểu 30% giá trị hạng mục của gói thầu đang xét**). Trong đó, hạng mục công việc đã thực hiện là hạng mục công việc đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không căn cứ vào thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục công việc đã thực hiện để xác định hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu hạng mục công việc.

Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng đã được chủ đầu tư nghiệm thu toàn bộ các hạng mục, nội dung công việc trong hợp đồng hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm toàn bộ các hạng mục, nội dung công việc trong hợp đồng (không bao

gồm nghĩa vụ bảo hành) được hoàn thành, nghiệm thu theo đúng quy định mà không căn cứ vào thời gian ký kết hợp đồng.

Đối với gói thầu phi tư vấn có tính chất công việc lặp lại theo chu kỳ qua các năm dẫn đến thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài thì giá trị hợp đồng tương tự được xác định khoảng **30%** giá trị của phần công việc tính theo 01 chu kỳ (01 năm) mà không tính theo tổng giá trị gói thầu qua các năm. **Trường hợp nhà cung cấp có hợp đồng có thời gian thực hiện hợp đồng dài hơn 01 năm thì quy mô hợp đồng tương tự của nhà cung cấp được xét cho toàn bộ thời gian thực hiện hợp đồng (với phần công việc nhà cung cấp đã hoàn thành hoặc được nghiệm thu) mà không xét theo 01 chu kỳ (01 năm).**

Ví dụ: Gói thầu đang xét là thuê dịch vụ dọn vệ sinh tòa nhà trong 03 năm với giá trị 300.000.000 đồng thì HSYCCG có thể yêu cầu về giá trị của hợp đồng tương tự trong 01 chu kỳ (01 năm) là 100.000.000 đồng. Nhà cung cấp X có hợp đồng dọn vệ sinh tòa nhà trong 48 tháng với chủ đầu tư A (đang trong quá trình thực hiện, chưa hoàn thành, chưa được thanh lý), nhưng tính đến thời điểm tham dự thầu, nhà cung cấp X đã thực hiện được 16 tháng, trong đó giá trị công việc đã được nghiệm thu 15 tháng đầu là 200.000.000 đồng thì nhà cung cấp X được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này.

BẢNG YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ

(Áp dụng đối với gói thầu có nhiều hạng mục dịch vụ ^(*))

STT	Danh mục dịch vụ	Giá trị được coi là tương tự (VND) ⁽¹⁾
1	Dịch vụ A	
2	Dịch vụ B	
3	Dịch vụ C	
...	...	

Ghi chú:

(1) Giá trị tại cột này được Chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (10), (11) Bảng số 01 Chương này.

(*) Trường hợp gói thầu không chia thành nhiều phần mà gồm nhiều hạng mục dịch vụ thì Chủ đầu tư phải bảo đảm các hạng mục này có tính chất giống nhau, không được gộp các hạng mục dịch vụ có tính chất khác nhau thành một gói thầu, có thể dẫn đến hạn chế sự tham gia của các nhà cung cấp.

Ví dụ: Gói thầu cung cấp dịch vụ vệ sinh công nghiệp, chăm sóc cây xanh, nạo vét kênh mương gồm 03 hạng mục dịch vụ có tính chất khác nhau có thể dẫn đến hạn chế sự tham gia của các nhà cung cấp. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư có thể chia gói thầu thành 03 phần khác nhau để tăng tính cạnh tranh của gói thầu.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về thiết bị chủ yếu:

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói chào giá:

Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu đưa ra yêu cầu về thiết bị chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị chủ yếu đối với các thiết bị đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thực hiện gói thầu. Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà cung cấp hoặc do nhà cung cấp huy động. Trường hợp thiết bị thi công chủ yếu mà nhà cung cấp kê khai trong HSDX không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà cung cấp bổ sung, thay thế. Trường hợp nhà cung cấp không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYCCG thì nhà cung cấp bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà cung cấp kê khai thiết bị không trung thực thì nhà cung cấp không được thay thế thiết bị khác, HSDX của nhà cung cấp bị loại và nhà cung cấp sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Nhà cung cấp phải cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 07d Chương III để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt⁽¹⁾

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
1	Khám phụ khoa	01	Tối thiểu 5 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Bác sĩ chuyên khoa I trở lên và có chứng chỉ hành nghề chuyên khoa sản phụ khoa
2	Khám vú	01	Tối thiểu 5 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Bác sĩ chuyên khoa I trở lên và có chứng chỉ hành nghề chuyên khoa sản phụ khoa
3	Soi dịch âm đạo	01	Tối thiểu 3 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Trình độ cao đẳng điều dưỡng hoặc y sĩ và có chứng chỉ hành nghề về điều dưỡng hoặc y sĩ
4	Xét nghiệm tế bào âm đạo (XN chẩn đoán tế bào học bong bằng phương pháp nhuộm Papanicolaou)	01	Tối thiểu 3 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Trình độ cao đẳng điều dưỡng hoặc y sĩ và có chứng chỉ hành nghề về điều dưỡng hoặc y sĩ
5	Nội soi cổ tử cung (phát hiện bất thường ở cổ tử cung)	01	Tối thiểu 5 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Bác sĩ chuyên khoa I trở lên và có chứng chỉ hành

				ngành chuyên khoa sản phụ khoa
6	Đo loãng xương 3 vị trí	01	Tối thiểu 3 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Kỹ thuật viên có trình độ Từ cao đẳng trở lên về chuyên ngành chẩn đoán hình ảnh và có chứng chỉ về chuẩn đoán hình ảnh
7	Đọc chuẩn đoán đo loãng xương	01	Tối thiểu 5 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Bác sĩ chuyên khoa I trở lên và có chứng chỉ về chuẩn đoán hình ảnh
8	Chụp X quang vú nếu siêu âm vú có vấn đề	01	Tối thiểu 5 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Bác sĩ chuyên khoa I trở lên và có chứng chỉ về chuẩn đoán hình ảnh
9	Chụp X quang	02	Tối thiểu 3 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Kỹ thuật viên có trình độ Từ cao đẳng trở lên về chuyên ngành XQ và có chứng chỉ về chuẩn đoán hình ảnh
10	Lấy máu xét nghiệm, sinh hóa	04	Tối thiểu 3 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Trình độ cao đẳng điều dưỡng hoặc y sĩ và có chứng chỉ hành nghề về điều dưỡng hoặc y sĩ
11	Đọc chuẩn đoán hình ảnh X quang	01	Tối thiểu 5 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Bác sĩ chuyên khoa I trở lên và có chứng chỉ về chuẩn đoán hình ảnh
12	Siêu âm (ổ bụng tổng quát, siêu âm tuyến giáp, siêu âm vú)	02	Tối thiểu 5 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Bác sĩ chuyên khoa I trở lên và có chứng chỉ về chuẩn đoán hình ảnh
	Tư vấn, kết luận sau khám	01	Tối thiểu 5 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Bác sĩ chuyên khoa I trở lên

b) Yêu cầu về thiết bị, máy móc khám:

Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu đưa ra yêu cầu về thiết bị chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị chủ yếu đối với các thiết bị đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thực hiện gói thầu. Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong HSDX không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, HSDX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị

xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 07d Chương III để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị chủ yếu

ST T	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Máy chụp XQ (kỹ thuật số) có chứng nhận an toàn bức xạ, sản xuất từ năm 2016 trở lại đây có hóa đơn hoặc hợp đồng mua bán/hợp đồng đặt máy/thuê máy/mượn máy có tài liệu rõ nguồn gốc xuất xứ	01
2	Máy siêu âm màu 3D trở lên sản xuất từ năm 2016 trở lại đây có hóa đơn hoặc hợp đồng mua bán/hợp đồng đặt máy/thuê máy/mượn máy có tài liệu rõ nguồn gốc xuất xứ	02
3	Máy xét nghiệm huyết học tự động 30 chỉ số, sản xuất từ 2016 trở lại đây có hóa đơn hoặc hợp đồng mua bán/hợp đồng đặt máy/thuê máy/mượn máy có tài liệu rõ nguồn gốc xuất xứ	01
4	Máy xét nghiệm sinh hóa, sản xuất từ 2019 trở lại đây có hóa đơn hoặc hợp đồng mua bán/hợp đồng đặt máy/thuê máy/mượn máy có tài liệu rõ nguồn gốc xuất xứ	01
5	Máy sinh hiển vi. sản xuất từ năm 2016 trở lại đây có hóa đơn chứng từ hoặc hợp đồng mua bán/hợp đồng đặt máy/thuê máy/mượn máy có tài liệu rõ nguồn gốc xuất xứ	01
6	Kính hiển vi 2 mắt sản xuất từ năm 2016 trở lại đây có hóa đơn chứng từ, hợp đồng mua bán/hợp đồng đặt máy/thuê máy/mượn	01

	máy có tài liệu rõ nguồn gốc xuất xứ	
7	Máy soi cổ tử cung sản xuất từ năm 2016 trở lại đây có hóa đơn chứng từ, hợp đồng mua bán/hợp đồng đặt máy/thuê máy/mượn máy có tài liệu rõ nguồn gốc xuất xứ	01
8	Máy đo mật độ xương sản xuất từ năm 2016 trở lại đây có hóa đơn chứng từ, hợp đồng mua bán/hợp đồng đặt máy/thuê máy/mượn máy có tài liệu rõ nguồn gốc xuất xứ	01
9	Máy xét nghiệm bán tự động tầm soát ung thư cổ tử cung sản xuất từ năm 2023 trở lại đây có hóa đơn chứng từ, hợp đồng mua bán/hợp đồng đặt máy/thuê máy/mượn máy có tài liệu rõ nguồn gốc xuất xứ	01
10	Máy chiết tách tế bào sản xuất từ năm 2022 trở lại đây có hóa đơn chứng từ, hợp đồng mua bán/hợp đồng đặt máy/thuê máy/mượn máy có tài liệu rõ nguồn gốc xuất xứ	01

c) Trường hợp nhà cung cấp trúng chào giá và ký kết hợp đồng, nhà cung cấp có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà cung cấp bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

HSĐX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

STT	Nội dung yêu cầu	Yêu cầu kỹ thuật	
		Đạt	Không đạt
1	Yêu cầu về dịch vụ khám chuyên khoa nữ cần cung cấp: Khám chuyên khoa nữ cho 244 người đợt 1 và 142 người đợt 2	Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau: 1. Khám phụ khoa 2. Khám vú 3. Soi tươi dịch âm đạo 4. Xét nghiệm tế bào âm đạo (XN chuẩn đoán tế bào học bong băng phương pháp nhuộm Papanicolaou) 5. Nội soi cổ tử cung (phát hiện bất thường ở cổ tử cung) 6. Siêu âm phần phụ 7. Siêu âm tuyến giáp (Phát hiện khối u và bất thường của tuyến giáp) 8. Siêu âm vú (Phát hiện khối u và bất thường của tuyến vú) 9. Đo loãng xương 3 vị trí 10. Xét nghiệm T3, T4, TSH (chức năng tuyến giáp) 11. Xét nghiệm canxi Ion huyết thanh 12. CA 15-3: Tầm soát ung thư vú 13. CA125: Tầm soát ung thư cổ tử cung, buồng trứng 14. TG: Tầm soát ung thư tuyến giáp thể nhú 15. Chụp X quang vú nếu siêu âm có vấn đề	Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau: 1. Khám phụ khoa 2. Khám vú 3. Soi tươi dịch âm đạo 4. Xét nghiệm tế bào âm đạo (XN chuẩn đoán tế bào học bong băng phương pháp nhuộm Papanicolaou) 5. Nội soi cổ tử cung (phát hiện bất thường ở cổ tử cung) 6. Siêu âm phần phụ 7. Siêu âm tuyến giáp (Phát hiện khối u và bất thường của tuyến giáp) 8. Siêu âm vú (Phát hiện khối u và bất thường của tuyến vú) 9. Đo loãng xương 3 vị trí 10. Xét nghiệm T3, T4, TSH (chức năng tuyến giáp) 11. Xét nghiệm canxi Ion huyết thanh 12. CA 15-3: Tầm soát ung thư vú 13. CA125: Tầm soát ung thư cổ tử cung, buồng trứng 14. TG: Tầm soát ung thư tuyến giáp thể nhú 15. Chụp X quang vú nếu siêu âm có vấn đề
2	Yêu cầu về chất lượng dịch vụ	Nhà thầu có Giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép khám chữa bệnh do cơ quan có thẩm quyền cấp. Nhà thầu cam kết sử dụng hồ sơ khám theo mẫu 03 phụ lục XXIV của thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ y tế Nhà thầu cam kết chất lượng tuân thủ theo thông tư số 01/2013/TT-BYT ngày 11/1/2023 của Bộ y tế về việc thực hiện quản lý chất lượng xét	Nhà thầu không có Giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép khám chữa bệnh do cơ quan có thẩm quyền cấp. Nhà thầu không cam kết sử dụng hồ sơ khám theo mẫu 03 phụ lục XXIV của thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ y tế Nhà thầu không cam kết chất lượng tuân thủ theo thông tư số 01/2013/TT-BYT ngày 11/1/2023 của Bộ y tế về việc thực hiện quản lý chất lượng

STT	Nội dung yêu cầu	Yêu cầu kỹ thuật	
		Đạt	Không đạt
		nghiệm tại cơ sở khám chữa bệnh	xét nghiệm tại cơ sở khám chữa bệnh
3	Mức độ đáp ứng sau khám	Nhà thầu cam kết khi có khiếu nại về phiếu kết quả xét nghiệm phải chịu trách nhiệm đề xuất phương án giải quyết hợp lý và đúng theo quy định pháp luật. Cam kết thực hiện theo đúng thông tư số 19/2016/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 30/6/2016 về hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động.	Nhà thầu không cam kết khi có khiếu nại về phiếu kết quả xét nghiệm phải chịu trách nhiệm đề xuất phương án giải quyết hợp lý và đúng theo quy định pháp luật. Không cam kết thực hiện theo đúng thông tư số 19/2016/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 30/6/2016 về hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động.
		Nhà thầu cam kết giữ bí mật toàn bộ thông tin hồ sơ khám, xét nghiệm và kết quả khám của CBCNV.	Nhà thầu không cam kết giữ bí mật toàn bộ thông tin hồ sơ khám, xét nghiệm và kết quả khám của CBCNV.
4	Về tiến độ thực hiện gói thầu	Nhà thầu cam kết thực hiện khám chuyên khoa nữ và hoàn thành hồ sơ khám theo đúng tiến độ. - Thời gian thực hiện: - Đợt 1: tháng 5/2025 - Đợt 2: tháng 11/2025 15 ngày sau khi khám phải hoàn thành hồ sơ khám cho cán bộ công nhân viên.	Nhà thầu không cam kết thực hiện khám chuyên khoa nữ và hoàn thành hồ sơ khám theo đúng tiến độ. - Thời gian thực hiện: - Đợt 1: tháng 5/2025 - Đợt 2: tháng 11/2025 15 ngày sau khi khám phải hoàn thành hồ sơ khám cho cán bộ công nhân viên.
5	Tính khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ	Nhà thầu có đề xuất giải pháp, phương pháp tổng quát khả thi để thực hiện gói dịch vụ.	Nhà thầu không đề xuất được giải pháp, phương pháp tổng quát khả thi để thực hiện gói dịch vụ.
6	Điều kiện về cơ sở khám	Nhà thầu cam kết cơ sở thực hiện khám bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động.	Nhà thầu không cam kết cơ sở thực hiện khám bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động
	Kết luận	Đạt tất cả nội dung trên	Không đạt một trong các nội dung nêu trên

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Bước 1: Xác định giá thấp nhất¹:

Bước 2: Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Điều 29 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP (nếu có);

¹ áp dụng đối với trường hợp gửi HSYCCG cho nhiều hơn một nhà cung cấp

Bước 3: Xác định giá dự chào giá sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4: Xếp hạng nhà cung cấp: HSĐX có giá dự chào giá sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN ĐỀ XUẤT CHÀO GIÁ

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[Ghi tên bên mời chào giá]*

(sau đây gọi là bên mời chào giá)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu (bao gồm văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu, nếu có), chúng tôi, _____ *[Ghi tên nhà cung cấp]*, cam kết thực hiện gói chào giá _____ *[Ghi tên gói chào giá]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là _____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự chào giá]*. Thời gian thực hiện gói chào giá là _____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu]*.

Hồ sơ đề xuất có hiệu lực là ____ ngày *[Ghi số ngày]*, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ *[Ghi ngày có thời điểm đóng chào giá]*.

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà cung cấp là hộ kinh doanh).

2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà cung cấp là hộ kinh doanh);

5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà cung cấp không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà cung cấp tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà cung cấp trúng thầu⁽²⁾.

7. Những thông tin kê khai trong HSĐX là trung thực.

8. Trường hợp trúng chào giá, HSDX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

9. Nếu HSDX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYCCG.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽¹⁾
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất chào giá thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đề xuất chào giá thì phải gửi kèm theo bản chụp được chứng thực các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này).

(2) HSYCCG không được yêu cầu nhà cung cấp phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này. Nội dung này chỉ yêu cầu nhà cung cấp cam kết trong Đơn này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____
 Tôi là ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà cung cấp*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc ____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*Ghi tên bên mời thầu*] tổ chức:

[- Ký đơn đề xuất chào giá;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu trúng chào giá.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*]. ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)*]

Người ủy quyền

[*Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn đề xuất chào giá. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH ⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc: _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]

- Căn cứ⁽²⁾ [Luật đấu thầu];

- Căn cứ⁽²⁾ _____;

- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] ngày _____ tháng _____ năm _____ [Ngày được ghi trên HSYCCG];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu

_____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

[- Ký đơn đề xuất chào giá;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYCCG và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng;

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc từng thành viên đảm nhận trong liên danh như sau⁽⁴⁾:

Stt	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà cung cấp liên danh không được chỉ định thầu;

- Hủy thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH⁽⁵⁾
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà cung cấp phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

(5) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

Mẫu số 04a**BẢNG GIÁ DỰ THẦU VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

(áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ theo Bảng sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ ^(*)	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà cung cấp đề xuất	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1									
2									
...									
TỔNG CỘNG (kết chuyển vào giá dự thầu trong đơn đề xuất)									

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7): Chủ đầu tư ghi các nội dung công việc để nhà cung cấp làm cơ sở chào giá dự thầu.

(*) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV (nếu có).

(8): Nhà cung cấp điền.

(9), (10): Nhà cung cấp điền đơn giá, thành tiền cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà cung cấp chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU VÀ TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ yêu cầu cung cấp theo Bảng sau:

Stt	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
									(A)
1	Khám phụ khoa	Khám phần phụ bằng mỏ vịt dùng 1 lần	386	người	cơ sở của nhà cung cấp tại Hà Nội	31/12/2025			
2	Khám vú	Khám lâm sàng	386	người	cơ sở của nhà cung cấp tại Hà Nội	31/12/2025			
3	Soi tươi dịch âm đạo	Xét nghiệm sử dụng mẫu bệnh phẩm dịch âm đạo	386	người	cơ sở của nhà cung cấp tại Hà Nội	31/12/2025			
4	Xét nghiệm tế bào âm đạo	Xét nghiệm chuẩn đoán tế bào học bong	386	người	cơ sở của nhà cung cấp tại Hà Nội	31/12/2025			

		bảng phương pháp nhuộm Papanicolaou				cấp tại Hà Nội				
5	Nội soi cổ tử cung	Nội soi để phát hiện bất thường ở cổ tử cung	386	người	31/12/2025	cơ sở của nhà cung cấp tại Hà Nội				
6	Siêu âm phân phụ	Siêu âm phát khối u và bất thường ở phần phụ	386	người	31/12/2025	cơ sở của nhà cung cấp tại Hà Nội				
7	Siêu âm tuyến giáp	Siêu âm phát hiện khối u và bất thường của tuyến giáp	386	người	31/12/2025	cơ sở của nhà cung cấp tại Hà Nội				
8	Siêu âm vú	Siêu âm phát hiện khối u và bất thường của tuyến vú	386	người	31/12/2025	cơ sở của nhà cung cấp tại Hà Nội				
9	Đo loãng xương 3 vị trí	Xác định tình trạng xương khớp, phát hiện sớm loãng xương	386	người	31/12/2025	cơ sở của nhà cung cấp tại Hà Nội				
10	Xét nghiệm T3, T4, TSH (chức năng tuyến giáp)	Xét nghiệm máu	386	người	31/12/2025	cơ sở của nhà cung cấp tại Hà Nội				
11	Xét nghiệm canxi Ion huyết thanh	Xét nghiệm máu	386	người	31/12/2025	cơ sở của nhà cung cấp tại Hà Nội				

12	CA 15-3: Tầm soát ung thư vú	Xét nghiệm máu	386	người	cơ sở của nhà cung cấp tại Hà Nội	31/12/2025			
13	CA125: Tầm soát ung thư cổ tử cung, buồng trứng	Xét nghiệm máu	386	người	cơ sở của nhà cung cấp tại Hà Nội	31/12/2025			
14	TG: Tầm soát ung thư tuyến giáp thể nhú	Xét nghiệm máu	386	người	cơ sở của nhà cung cấp tại Hà Nội	31/12/2025			
15	Chụp X quang vú nếu siêu âm có vấn đề	Khi có chỉ định	386	người	cơ sở của nhà cung cấp tại Hà Nội	31/12/2025			
II	Chi phí dự phòng khối lượng phát sinh ^(*)		b1%						(B)=(A)x b1
	TỔNG CỘNG (kết chuyển vào giá dự thầu trong đơn đề xuất)								(A) + (B)

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5), (6), (7) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục công việc cụ thể, đơn vị tính, khối lượng, địa điểm thực hiện dịch vụ, ngày hoàn thành để nhà cung cấp làm cơ sở chào thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương IV hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số lượng, số quyền...) để nhà cung cấp thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(*) Trong HSYCCG phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh (b1%) để nhà cung cấp làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà cung cấp phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong HSYCCG (b1%) nhân với chi phí của các hạng mục do nhà cung cấp chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

(8): Nhà cung cấp điền.

(9), (10): Nhà cung cấp điền đơn giá, thành tiền cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà cung cấp chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP ⁽¹⁾

Ngày:

Tên

gói

thầu:

Tên nhà cung cấp: *[ghi tên nhà cung cấp. Trong trường hợp liên danh, điền tên của từng thành viên]*

Nơi nhà cung cấp đăng ký kinh doanh, hoạt động:
[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]

Năm thành lập công ty:

Địa chỉ hợp pháp của nhà cung cấp *[tại nơi đăng ký]*:

Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà cung cấp

Tên: _____

Địa chỉ: _____

Số điện thoại/fax: _____

Địa chỉ email: _____

1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp...

2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà cung cấp.

Ghi chú:

(1) Đối với nhà cung cấp liên danh thì từng thành viên phải kê khai theo Mẫu này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN ⁽¹⁾

Tên nhà cung cấp: ____ *[ghi tên đầy đủ của nhà cung cấp]*.

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà cung cấp đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>		
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II⁽²⁾			
1. Loại dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
3. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>		
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>		

Nhà cung cấp nghiên cứu kỹ HSYCCG và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSYCCG. Nhà cung cấp phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà cung cấp có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà cung cấp chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà cung cấp phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà cung cấp hoặc do nhà cung cấp huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà cung cấp kê khai trong HSĐX không đáp ứng yêu cầu của HSYCCG, bên mời thầu cho phép nhà cung cấp làm rõ, thay đổi, bổ sung nhân sự chủ chốt để đáp ứng yêu cầu của HSYCCG. Trường hợp nhà cung cấp không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYCCG thì HSĐX bị loại. Trường hợp nhà cung cấp kê khai không trung thực thì nhà cung cấp sẽ bị đánh giá là gian lận, không được thay thế nhân sự và bị loại.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	[Thông tin về lý lịch, kinh nghiệm chuyên môn của nhân sự trong HSĐX]	[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]
2	.	
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng động	Địa chỉ của người dùng động	Chức danh	Số năm làm việc người dùng động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà cung cấp phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu trong HSDX

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/dự toán mua sắm/Chức vụ/Hợp đồng/Kinh nghiệm quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2				
...	...			

Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu. Nhà cung cấp phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu.

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà cung cấp phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu						Thỏa thuận
Loại thiết bị	Tên chủ sở hữu	Địa chỉ chủ sở hữu	Số điện thoại	Số Fax	Telex	Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ CUNG CẤP

Tên nhà cung cấp: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà cung cấp liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà cung cấp theo quy định khoản 2.1 Mục 2 Chương II

- ☐ Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà cung cấp kể từ ngày 01 tháng 01 năm ____ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.
- ☐ Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà cung cấp tính từ ngày 01 tháng 01 năm ____ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà cung cấp trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà cung cấp có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà cung cấp trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là có hành vi gian lận và HSDX của nhà cung cấp sẽ bị loại. Trường hợp nhà cung cấp liên danh thì từng thành viên của nhà cung cấp liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ CUNG CẤP⁽¹⁾

Tên nhà cung cấp: _____
 Ngày: _____

Năm tài chính của nhà cung cấp từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà cung cấp điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSYCCG			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà cung cấp liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà cung cấp chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh

thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSYCCG/số năm.

Trường hợp nhà cung cấp mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSYCCG thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà cung cấp có số liệu tài chính.

Nhà cung cấp phải nộp các tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà cung cấp hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà cung cấp liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà cung cấp hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà cung cấp đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà cung cấp đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ CUNG CẤP PHỤ⁽¹⁾

STT	Tên nhà cung cấp ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà cung cấp phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp HSYCCG có quy định về việc sử dụng nhà cung cấp phụ thì nhà cung cấp kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà cung cấp ghi cụ thể tên nhà cung cấp phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà cung cấp phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà cung cấp trúng thầu thì khi huy động nhà cung cấp phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà cung cấp ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà cung cấp phụ.

(4) Nhà cung cấp ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà cung cấp phụ.

(5) Nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà cung cấp phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà cung cấp ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm các tài liệu này trong HSYCCG.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
3				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà cung cấp là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) thì nhà cung cấp phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà cung cấp căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà cung cấp không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ CUNG CẤP PHỤ⁽¹⁾

Stt	Tên nhà cung cấp phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà cung cấp phụ (nếu có) ⁽⁶⁾
1					
2					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà cung cấp phụ thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà cung cấp ghi cụ thể tên nhà cung cấp phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà cung cấp phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của chủ đầu tư.

(3) Ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà cung cấp phụ.

(4) Ghi cụ thể khối lượng công việc.

(5) Ghi giá trị % công việc ước tính mà từng nhà cung cấp phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận sử dụng nhà cung cấp phụ và phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương IV. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm gói dịch vụ

a. Dự toán

- Tên dự toán: “Khám chuyên khoa nữ cho CB-NV Công ty Quản lý bay miền Bắc”;
- Nguồn vốn: Vốn chi thường xuyên của Công ty Quản lý bay miền Bắc;
- Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà cung cấp: Quý II/2025

b. Gói dịch vụ:

- Tên gói thầu: “Khám chuyên khoa nữ cho CB-NV Công ty Quản lý bay miền Bắc”;
- Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Chào giá
- Loại Hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện hợp đồng: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/12/2025.

- Quy mô gói dịch vụ: Khám chuyên khoa nữ cho CB-NV theo danh mục khám tại Mẫu số 04b cho 244 nữ đợt 1 và 142 nữ đợt 2.

- Kế hoạch thực hiện:

Đợt 1: Thực hiện khám trong tháng 5/2025 và hoàn thành tư vấn và kết luận trả hồ sơ sau 15 ngày sau khám.

Đợt 2: Thực hiện khám trong tháng 11/2025 và hoàn thành tư vấn và kết luận trả hồ sơ sau 15 ngày sau khám.

- Địa điểm thực hiện: tại cơ sở khám của nhà cung cấp.

- Yêu cầu kết quả đầu ra:

Nội dung khám. Kết quả khám.

+ In phim kết quả XQuang bất thường ngay tại buổi khám
(Có tài liệu, hình ảnh chứng minh).

+ Bàn giao hồ sơ khám trong vòng 15 ngày sau khi khám, bao gồm:

- Hồ sơ bản cứng đã ký và đóng dấu (01 bản chính)
- Kết quả tổng hợp của từng đơn vị (01 bản cứng và 01 bản mềm)

2. Mục tiêu công việc:

Khám chuyên khoa nữ để đánh giá thể trạng sức khỏe hiện tại, đồng thời phát hiện sớm các bệnh lý nhằm chăm sóc tốt nhất sức khỏe cho người lao động.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

2.3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

a. Yêu cầu về nhân lực:

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
-----	------------------	----------	--	--

1	Khám phụ khoa	01	Tối thiểu 5 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Bác sĩ chuyên khoa I trở lên và có chứng chỉ hành nghề chuyên khoa sản phụ khoa
2	Khám vú	01	Tối thiểu 5 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Bác sĩ chuyên khoa I trở lên và có chứng chỉ hành nghề chuyên khoa sản phụ khoa
3	Soi dịch âm đạo	01	Tối thiểu 3 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Trình độ cao đẳng điều dưỡng hoặc y sĩ và có chứng chỉ hành nghề về điều dưỡng hoặc y sĩ
4	Xét nghiệm tế bào âm đạo (XN chẩn đoán tế bào học bong bằng phương pháp nhuộm Papanicolaou)	01	Tối thiểu 3 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Trình độ cao đẳng điều dưỡng hoặc y sĩ và có chứng chỉ hành nghề về điều dưỡng hoặc y sĩ
5	Nội soi cổ tử cung (phát hiện bất thường ở cổ tử cung)	01	Tối thiểu 5 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Bác sĩ chuyên khoa I trở lên và có chứng chỉ hành nghề chuyên khoa sản phụ khoa
6	Đo loãng xương 3 vị trí	01	Tối thiểu 3 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Kỹ thuật viên có trình độ Từ cao đẳng trở lên về chuyên ngành chẩn đoán hình ảnh và có chứng chỉ về chuẩn đoán hình ảnh
7	Đọc chuẩn đoán đo loãng xương	01	Tối thiểu 5 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Bác sĩ chuyên khoa I trở lên và có chứng chỉ về chuẩn đoán hình ảnh
8	Chụp X quang vú nếu siêu âm vú có vấn đề	01	Tối thiểu 5 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Bác sĩ chuyên khoa I trở lên và có chứng chỉ về chuẩn đoán hình ảnh
9	Chụp X quang	02	Tối thiểu 3 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Kỹ thuật viên có trình độ Từ cao đẳng trở lên về chuyên ngành XQ và có chứng chỉ về chuẩn đoán hình ảnh
10	Lấy máu xét nghiệm, sinh hóa	04	Tối thiểu 3 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Trình độ cao đẳng điều dưỡng hoặc y sĩ và có chứng chỉ hành nghề về điều dưỡng hoặc y sĩ
11	Đọc chuẩn đoán hình ảnh X quang	01	Tối thiểu 5 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Bác sĩ chuyên khoa I trở lên và có chứng chỉ về chuẩn đoán hình ảnh
12	Siêu âm (ổ bụng tổng quát, siêu âm tuyến giáp, siêu âm vú)	02	Tối thiểu 5 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Bác sĩ chuyên khoa I trở lên và có chứng chỉ về chuẩn đoán hình ảnh

	Tư vấn, kết luận sau khám	01	Tối thiểu 5 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Bác sĩ chuyên khoa I trở lên
--	----------------------------------	----	---	------------------------------

b. Yêu cầu về máy móc thiết bị khám:

ST T	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Máy chụp XQ (kỹ thuật số) có chứng nhận an toàn bức xạ, sản xuất từ năm 2016 trở lại đây có hóa đơn hoặc hợp đồng mua bán/hợp đồng đặt máy/thuê máy/mượn máy có tài liệu rõ nguồn gốc xuất xứ	01
2	Máy siêu âm màu 3D trở lên sản xuất từ năm 2016 trở lại đây có hóa đơn hoặc hợp đồng mua bán/hợp đồng đặt máy/thuê máy/mượn máy có tài liệu rõ nguồn gốc xuất xứ	02
3	Máy xét nghiệm huyết học tự động 30 chỉ số, sản xuất từ 2016 trở lại đây có hóa đơn hoặc hợp đồng mua bán/hợp đồng đặt máy/thuê máy/mượn máy có tài liệu rõ nguồn gốc xuất xứ	01
4	Máy xét nghiệm sinh hóa, sản xuất từ 2019 trở lại đây có hóa đơn hoặc hợp đồng mua bán/hợp đồng đặt máy/thuê máy/mượn máy có tài liệu rõ nguồn gốc xuất xứ	01
5	Máy sinh hiển vi. sản xuất từ năm 2016 trở lại đây có hóa đơn chứng từ hoặc hợp đồng mua bán/hợp đồng đặt máy/thuê máy/mượn máy có tài liệu rõ nguồn gốc xuất xứ	01
6	Kính hiển vi 2 mắt sản xuất từ năm 2016 trở lại đây có hóa đơn chứng từ, hợp đồng mua bán/hợp đồng đặt máy/thuê máy/mượn máy có tài liệu rõ nguồn gốc xuất xứ	01
7	Máy soi cổ tử cung sản xuất từ năm 2016 trở lại đây có hóa đơn chứng từ, hợp đồng mua bán/hợp đồng đặt máy/thuê máy/mượn máy có tài liệu rõ nguồn gốc xuất xứ	01

8	Máy đo mật độ xương sản xuất từ năm 2016 trở lại đây có hóa đơn chứng từ, hợp đồng mua bán/hợp đồng đặt máy/thuê máy/mượn máy có tài liệu rõ nguồn gốc xuất xứ	01
9	Máy xét nghiệm bán tự động tầm soát ung thư cổ tử cung sản xuất từ năm 2023 trở lại đây có hóa đơn chứng từ, hợp đồng mua bán/hợp đồng đặt máy/thuê máy/mượn máy có tài liệu rõ nguồn gốc xuất xứ	01
10	Máy chiết tách tế bào sản xuất từ năm 2022 trở lại đây có hóa đơn chứng từ, hợp đồng mua bán/hợp đồng đặt máy/thuê máy/mượn máy có tài liệu rõ nguồn gốc xuất xứ	01

c. Yêu cầu khác:

- Nhà thầu có giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép hoạt động khám chữa bệnh do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Có văn bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Chất lượng xét nghiệm tuân thủ theo thông tư số 01/2013/TT-BYT ngày 11/1/2013 của Bộ y tế về thực hiện quản lý chất lượng xét nghiệm tại cơ sở khám chữa bệnh.

- Khi có khiếu nại về kết quả khám, xét nghiệm, nhà thầu phải chịu trách nhiệm đề xuất phương án giải quyết hợp lý và đúng quy định của Pháp luật. Thực hiện theo Thông tư số 19/2016/TTLT-BLĐTBXH_BYT ngày 30/6/2016 về hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động. Thuyết minh quy trình khám và bảo mật thông tin theo quy định hiện hành.

- Sử dụng hồ sơ khám theo mẫu 03 phụ lục XXV của thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ y tế.

- Giữ bí mật toàn bộ thông tin hồ sơ khám, xét nghiệm và kết quả khám của cán bộ nhân viên bên mời thầu.

- Nhà cung cấp có chứng nhận về phòng cháy chữa cháy của Phòng CS PCCC và cứu hộ cứu nạn tại cơ sở thực hiện khám.

2.4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại mục 1 Chương IV này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;
2. Kế hoạch công tác.

2.5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm: Kết quả khám.

- In phim kết quả XQuang bắt thường ngay tại buổi khám (Có tài liệu, hình ảnh chứng minh).

- Bàn giao hồ sơ khám trong vòng 15 ngày sau khi khám, bao gồm:
- + Hồ sơ bản cứng đã ký và đóng dấu (01 bản chính)
- + Kết quả tổng hợp của từng đơn vị (01 bản cứng và 01 bản mềm)

Phần 3: ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG
Chương V. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. "Chủ đầu tư" là tổ chức được quy định tại ĐKCT; 1.2. "Hợp đồng" là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà cung cấp, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. "Nhà cung cấp" là Nhà cung cấp trúng thầu (có thể là Nhà cung cấp độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT; 1.4. "Nhà cung cấp phụ" là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà cung cấp để tham gia thực hiện công việc phi tư vấn; 1.5. "Tài liệu Hợp đồng" là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.6. "Giá hợp đồng" là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp dịch vụ. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. "Ngày" là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch; 1.8. "Dịch vụ phi tư vấn" bao gồm một hoặc một số hoạt động: logistics, bảo hiểm, quảng cáo, lắp đặt, nghiệm thu chạy thử, tổ chức đào tạo, bảo trì, bảo dưỡng, vẽ bản đồ và hoạt động khác không phải là dịch vụ tư vấn quy định tại khoản 5 Điều 4 của Luật Đấu thầu; 1.9. "Hoàn thành" là việc Nhà cung cấp hoàn tất các nội dung công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.10. "Địa điểm cung cấp dịch vụ" là địa điểm được quy định tại ĐKCT; 1.11. "Bên" là Chủ đầu tư hoặc Nhà cung cấp, tùy từng trường hợp. 1.12. "Thời gian thực hiện hợp đồng" được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.
2. Tài liệu hợp đồng và thứ tự ưu tiên	2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau. 2.2. Các tài liệu cấu thành hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: a) Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; b) Biên bản hoàn thiện hợp đồng; c) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp; d) ĐKCT;

	đ) ĐKC; g) HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của Nhà cung cấp; h) HSMT và các tài liệu sửa đổi HSMT (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.
3. Luật và ngôn ngữ	3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam; 3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Thông báo	4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại ĐKCT. Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin. 4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
	5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư ngay khi hợp đồng được ký kết. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau: 5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại hợp đồng. 5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà cung cấp không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng. 5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.
6. Ký hợp đồng thầu phụ	6.1. Nhà cung cấp được ký kết hợp đồng với các nhà cung cấp phụ trong danh sách các nhà cung cấp phụ quy định tại ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDT. Việc sử dụng nhà cung cấp phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà cung cấp. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà cung cấp phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà cung cấp phụ trong danh sách các nhà cung cấp phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà cung cấp phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng nhà cung cấp phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà cung cấp trong thực hiện hợp đồng, nhà cung cấp phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà cung cấp. 6.2. Giá trị công việc mà các nhà cung cấp phụ quy định tại Mục 6.1 ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm

	theo giá hợp đồng quy định tại ĐKCT. 6.3. Nhà cung cấp có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà cung cấp phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà cung cấp và nhà cung cấp phụ. Nhà cung cấp không được sử dụng nhà cung cấp phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà cung cấp phụ nêu trong HSDT. 6.4. Yêu cầu khác về nhà cung cấp phụ quy định tại ĐKCT.
7. Phạm vi cung cấp	Dịch vụ phi tư vấn sẽ được cung cấp theo quy định tại Chương IV được đính kèm thành Phụ lục và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại dịch vụ mà Nhà cung cấp phải cung cấp và đơn giá của các loại dịch vụ đó.
8. Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn	Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và thời gian dự kiến hoàn thành phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 10A hoặc Mẫu số 10B hoặc Mẫu số 10C Chương IV.
9. Trách nhiệm của Nhà cung cấp	Nhà cung cấp phải cung cấp dịch vụ phi tư vấn trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 7 ĐKC và theo tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và lịch hoàn thành quy định tại Mục 8 ĐKC.
10. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	10.1. Loại hợp đồng theo quy định tại ĐKCT. 10.2. Giá hợp đồng được ghi tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp dịch vụ phi tư vấn của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu.
11. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT .
12. Tạm ứng	12.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà cung cấp khoản tiền tạm ứng theo quy định tại ĐKCT, sau khi Nhà cung cấp nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà cung cấp hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng. 12.2. Nhà cung cấp chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà cung cấp phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư.
13. Thanh toán	13.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà cung cấp phải được gửi cho Chủ đầu tư bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả dịch vụ đã thực hiện khi đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ khác quy định

	trong hợp đồng. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà cung cấp sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND. 13.2. Việc giảm trừ thanh toán trên cơ sở chất lượng dịch vụ thực hiện theo quy định tại ĐKCT. 13.3. Đồng tiền thanh toán là: VND.
14. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	14.1. Chủ đầu tư và Nhà cung cấp phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà cung cấp có thể chuyển cho nhà cung cấp phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà cung cấp phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà cung cấp phụ phải có cam kết với Nhà cung cấp về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó. 14.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà cung cấp cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà cung cấp không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. 14.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà cung cấp quy định tại Mục 14.1 ĐKC và Mục 14.2 ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây: a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà cung cấp cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền; b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà cung cấp; c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp; d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin. 14.4. Các quy định tại Mục 14 ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp

	đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ. 14.5. Các quy định tại Mục 14 ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.
15. Phạt và bồi thường thiệt hại	Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại ĐKCT.
16. Bất khả kháng	16.1. Nhà cung cấp không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. 16.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế. 16.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước. 16.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Nhà cung cấp bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng. 16.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

17. Sửa đổi hợp đồng	17.1 Việc sửa đổi hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng; b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; c) Các nội dung khác quy định tại ĐKCT. 17.2. Chủ đầu tư và Nhà cung cấp sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng. 17.3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà cung cấp có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây: a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết. b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời, nếu có) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư. c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng. 17.4. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà cung cấp nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây: a) Rút ngắn thời gian thực hiện dịch vụ; b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư; c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả, an toàn hoặc tính bền vững của dịch vụ; d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư. Trường hợp đề xuất của Nhà cung cấp được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà cung cấp theo tỷ lệ quy định tại ĐKCT đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng. Trường hợp đề xuất của Nhà cung cấp được Chủ đầu tư chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d Mục này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà cung cấp theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.
18. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây: a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà cung cấp trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham

	gia hợp đồng; b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng; c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư; d) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu; đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của chủ đầu tư, nhà cung cấp; e) Các trường hợp khác quy định tại ĐKCT. Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà cung cấp thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh; trường hợp vượt thì chủ đầu tư và nhà cung cấp chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép.
19. Chấm dứt hợp đồng	19.1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà cung cấp về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau: (i) Nhà cung cấp không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn; (ii) Nhà cung cấp không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng; (iii) Nhà cung cấp bị mất khả năng thanh toán hoặc phá sản; (iv) Có bằng chứng cho thấy Nhà cung cấp đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng; b) Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 19.1 ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà cung cấp sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà cung cấp vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị

	chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện. c) Nhà cung cấp có thể chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng ba mươi (30) ngày trong các trường hợp sau đây: - Nếu Chủ đầu tư không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào phải trả cho Nhà cung cấp theo Hợp đồng và không có tranh chấp theo Mục 22 ĐKC về việc này trong vòng sáu mươi (60) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Nhà cung cấp về việc quá hạn thanh toán. - Nếu vì lý do bất khả kháng, trong thời gian không dưới sáu mươi (60) ngày, nhà cung cấp không thể thực hiện được hợp đồng. 19.2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán Trường hợp Nhà cung cấp phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà cung cấp. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà cung cấp không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.
20. Phát hiện và khắc phục sai sót	20.1. Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như quy định tại ĐKCT. Chủ đầu tư có thể hướng dẫn Nhà cung cấp tự đánh giá và phát hiện sai sót, kiểm tra nội dung công việc mà Chủ đầu tư cho rằng có thể có sai sót. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót được quy định tại ĐKCT. 20.2. Trường hợp phát sinh sai sót trong quá trình Nhà cung cấp cung cấp dịch vụ phi tư vấn, trước khi kết thúc hợp đồng, Chủ đầu tư thông báo cho Nhà cung cấp về các sai sót cần khắc phục. Khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, Nhà cung cấp có trách nhiệm kịp thời khắc phục sai sót trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư quy định trong thông báo. Trường hợp Nhà cung cấp không khắc phục xong sai sót trong khoảng thời gian cho phép, Chủ đầu tư sẽ đánh giá chi phí cần thiết để khắc phục sai sót và yêu cầu Nhà cung cấp thanh toán, đồng thời phạt thực hiện hợp đồng đối với Nhà cung cấp như quy định tại Mục 15 ĐKC.

21. Nhân sự¹	21.1. Nhà cung cấp phải huy động tất cả nhân sự như đã đề xuất trong E-HSDT để thực hiện các nội dung công việc trừ trường hợp Chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự thì Nhà cung cấp phải báo cáo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó. 21.2. Trường hợp nhân sự mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình thì Chủ đầu tư có văn bản yêu cầu thay thế. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại ĐKCT, Nhà cung cấp phải thực hiện thay thế nhân sự có năng lực và kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà cung cấp chịu.
22. Giải quyết tranh chấp	22.1. Chủ đầu tư và Nhà cung cấp có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại ĐKCT.

¹ Trường hợp gói thầu không yêu cầu nhân sự chủ chốt thì bỏ Mục này

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ ĐKCT phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành HSMT.

ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Công ty Quản lý bay miền Bắc - Chi nhánh Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam - Công ty TNHH. - Địa chỉ: Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam. - Tài khoản: 020029058688 tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Long Biên, Hà Nội. - Mã số thuế: 0100108624-007 - Điện thoại: 024.38860961 - Fax: 024.38860956 - Đại diện là: Ông Lâm Phúc Anh Hà - Chức vụ: Giám đốc.
ĐKC 1.3	Nhà cung cấp:_____ [<i>ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà cung cấp</i>].
ĐKC 1.10	Địa điểm cung cấp dịch vụ là: tại cơ sở khám bệnh của bên B
ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: 1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục); 2. Biên bản hoàn thiện hợp đồng; 3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp; 4. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà cung cấp trúng thầu (nếu có); 5. Hồ sơ yêu cầu chào giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ hồ sơ yêu cầu chào giá (nếu có);
ĐKC 4.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: - Người nhận: Nguyễn Hồng Hải - Tổ trưởng TGV - Công ty Quản lý bay miền Bắc. - Địa chỉ giao dịch: Tầng 2, Tòa nhà B - Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam, số 5/200 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội, Việt Nam. - Điện thoại: 0969652629 - Fax: 0243.8860956. - Địa chỉ email: Norats@vatm.vn.
ĐKC 5.2	Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá trị hợp đồng Hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng.

ĐKC 5.4	Bên mời cung cấp sẽ hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng sau khi nhà cung cấp hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo hợp đồng và hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng
ĐKC 10.1	Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
ĐKC 10.2	Giá hợp đồng: Cố định.
ĐKC 11	Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà cung cấp xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
ĐKC 12.1	Tạm ứng: không có
ĐKC 13.1	Phương thức thanh toán: a) Hình thức thanh toán: chuyển khoản b) Đồng tiền thanh toán đồng Việt Nam c) Thời hạn thanh toán: thanh toán thành 2 đợt Đợt 1: trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhà cung cấp hoàn thành công việc, và có đủ hồ sơ hợp lệ như sau : - Biên bản nghiệm thu của hai bên. - Hồ sơ quyết toán. - Hóa đơn tài chính. - Kết quả khám sức khỏe. Đợt 2: trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhà cung cấp hoàn thành công việc, và có đủ hồ sơ hợp lệ như sau : - Biên bản nghiệm thu của hai bên. - Hồ sơ quyết toán. - Hóa đơn tài chính. - Kết quả khám sức khỏe. - Biên bản nghiệm thu hoàn thành và thanh lý hợp đồng được hai bên lý kết.
ĐKC 13.2	Giảm trừ thanh toán: Không áp dụng.
ĐKC 15	1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng. Trừ trường hợp bất khả kháng vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, nếu Nhà cung cấp không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với:

	- 0.5% giá trị hợp đồng bị vi phạm cho mỗi tuần chậm tiến độ cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Cứ đủ 07 ngày chậm tiến độ được tính là 01 tuần, kể từ thời điểm xác định chậm tiến độ; các tuần sau trở đi được tính nối tiếp. - Tổng giá trị phạt tối đa không quá 8% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm theo quy định của pháp luật. Khi phạt đến mức tối đa, chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định. Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà cung cấp có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 100% chi phí cần thiết để khắc phục sai sót. 2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.
ĐKC 17.4	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà cung cấp 20% giá trị giảm giá hợp đồng.
ĐKC 20.1	Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: _____ <i>[nêu cụ thể nguyên tắc và cách thức]</i> Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: _____ <i>[nêu cụ thể thời gian]</i>.
ĐKC 21.2	Thời gian Nhà cung cấp thực hiện việc thay thế nhân sự: gửi công văn đến chủ đầu tư 02 ngày trước ngày tổ chức khám (kèm theo hồ sơ chứng minh trình độ nhân sự được thay thế). Nhân sự được thay thế phải có trình độ tương đương
ĐKC 22.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: 20 ngày. - Giải quyết tranh chấp: 07 ngày. Nếu hòa giải không có kết quả thì trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, các bên sẽ đệ trình vấn đề lên Tòa kinh tế Toàn án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết tranh chấp theo qui định của pháp luật. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên. Mọi chi phí phát sinh trong quá trình kiện tụng tại tòa án sẽ do bên thua kiện chịu.

Chương VII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: Khám chuyên khoa nữ cho CB-NV Công ty Quản lý bay miền Bắc

Thuộc dự toán: Khám chuyên khoa nữ cho CB-NV Công ty Quản lý bay miền Bắc

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015);

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023);

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói thầu “Khám chuyên khoa nữ cho CB-NV Công ty Quản lý bay miền Bắc” và Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà cung cấp trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư/bên mời thầu: Công ty Quản lý bay miền Bắc

Địa chỉ: Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 043.8860916

Fax : 043.8860956

Tài khoản : 020029058688

Tại Ngân hàng Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Long Biên

Mã số thuế: 0100108624-007

Đại diện là ông: Lâm Phúc Anh Hà

Chức vụ: Giám đốc

Nhà cung cấp (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà cung cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____
(trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho bên B thực hiện việc khám chuyên khoa nữ cho cán bộ, công nhân viên của bên A theo các nội dung khám, xét nghiệm và giá cả chi tiết tại phụ lục đính kèm Hợp đồng.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;
4. ĐKCT của hợp đồng;
5. ĐKC của hợp đồng;
6. HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của nhà cung cấp trúng chào giá (nếu có);
7. HSYCCG và các tài liệu sửa đổi HSYCCG (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

- Cung cấp kịp thời các kế hoạch, chỉ dẫn và những chi tiết khác để việc cung ứng dịch vụ được thực hiện không bị trì hoãn hay gián đoạn;
- Lập danh sách CBNV và gửi cho bên B tối thiểu trước ngày dự kiến tổ chức khám 07 ngày để bên B làm tốt công tác chuẩn bị;
- Tổ chức, đôn đốc CBNV đến kiểm tra sức khoẻ đầy đủ theo danh sách đã gửi cho Bên B. Phải báo lại cho bên B trước tối thiểu 02 ngày những người chưa thể khám để bên B lên kế hoạch khám bù vào thời điểm thích hợp;
- Trường hợp cần có ưu tiên khám cho CBNV của bên A để thực hiện các nhiệm vụ đột xuất. Bên A lập danh sách và gửi cho bên B tối thiểu trước khi khám 2 ngày thông qua cán bộ trực tiếp phụ trách hợp đồng khám chuyên khoa nữ của bên B;
- Phối hợp với bên B lập hồ sơ quyết toán trên cơ sở khối lượng, danh mục khám bệnh thực tế khám được hai bên nghiệm thu.
- Thanh toán chi phí khám cho Bên B theo qui định tại điều khoản thanh toán và các điều khoản khác có liên quan của hợp đồng này;

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

- Chuẩn bị đầy đủ nhân sự có trình độ chuyên môn đảm bảo thực hiện các công việc đã nêu trong hợp đồng. Danh sách nhân sự và trích ngang lý lịch sẽ được bên B cung cấp kèm theo hợp đồng này, trong trường hợp thay đổi nhân sự bên B phải báo trước cho bên A ít nhất 1 ngày trước ngày khám. Nhân sự thay đổi

phải có trình độ chuyên môn ngang bằng so với nhân sự đã thông báo trong hợp đồng này.

- Bên B cung cấp các trang thiết bị y tế cần thiết, phù hợp để thực hiện các công việc/dịch vụ y tế nêu tại Điều 1 Hợp đồng này;

- Thông báo kịp thời cho bên A các quy định có liên quan đến bảo đảm chất lượng khám chữa bệnh để bên A làm tốt công tác chuẩn bị.

- Tổ chức hướng dẫn cho CBNV Bên A trình tự thực hiện các công đoạn khám chuyên khoa nữ, đảm bảo nhanh gọn và tiện lợi cho bên A. Bên B sẽ cung cấp để Bên A phổ biến các yêu cầu đặc biệt (nếu có) mà CBNV trước khi đến khám chuyên khoa nữ phải tuân thủ để đảm bảo kết quả khám, chẩn đoán được chính xác;

- Tuân thủ nghiêm túc các quy định về chuyên môn trong công tác khám cho bên A.

- Tổng hợp kết quả và trả kết quả cho bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc khám. Đối với các trường hợp khám bù, kết quả sẽ được gửi sau 05 ngày kể từ kết thúc khám bù.

- Tổ chức tư vấn kết quả cho CBCNV bên A với thời gian tư vấn là 02 ngày làm việc sau khi bên A nhận được kết quả khám.

- Bảo đảm bí mật thông tin về kết quả khám chuyên khoa nữ của cán bộ nhân viên bên A.

- Bên B phải có trách nhiệm cùng chủ đầu tư giải trình các nội dung trong hợp đồng và hồ sơ quyết toán với các cơ quan có thẩm quyền nếu được yêu cầu. Bên B phải hoàn trả cho chủ đầu tư toàn bộ giá trị xuất toán khi các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xuất toán được xác định do lỗi của nhà thầu hoặc do chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu không đúng quy định của Nhà nước (kể cả khi hợp đồng đã thanh lý).

- Phối hợp cùng bên A nghiệm thu dịch vụ và lập hồ sơ quyết toán trên cơ sở khối lượng, danh mục khám bệnh thực tế khám được hai bên nghiệm thu.

- Cung cấp hóa đơn theo đúng quy định của Pháp luật và phải tự chịu trách nhiệm về các hậu quả pháp lý lập hóa đơn.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ VNĐ (Bằng chữ _____).

2. Phương thức thanh toán:

- Hình thức thanh toán: Thanh toán một lần bằng chuyển khoản và bằng đồng Việt Nam.

- Thời hạn thanh toán:

Đợt 1: trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhà cung cấp hoàn thành công việc, và có đủ hồ sơ hợp lệ như sau :

- Biên bản nghiệm thu của hai bên.
- Hồ sơ quyết toán.
- Hóa đơn tài chính.
- Kết quả khám sức khỏe.

Đợt 2: trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhà cung cấp hoàn thành công việc, và có đủ hồ sơ hợp lệ như sau :

- Biên bản nghiệm thu của hai bên.
- Hồ sơ quyết toán.
- Hóa đơn tài chính.
- Kết quả khám sức khỏe.
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành và thanh lý hợp đồng được hai bên lý kết.

Điều 6. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:

a. Thời gian thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày ký đến hết 31/12/2025.

b. Thời gian tổ chức khám:

Đợt 1: Thực hiện khám trong tháng 5/2025.

Đợt 2: Thực hiện khám trong tháng 11/2025.

c. Địa điểm tổ chức khám:

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

8.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi địa điểm khám.

b) Thay đổi thời gian khám.

8.2 Trong quá trình Bên B tổ chức khám chuyên khoa nữ mà CBNV của Bên A có yêu cầu phát sinh các dịch vụ khám/kiểm tra ngoài các danh mục đã nêu trên thì Bên B đương nhiên được quyền cung cấp bổ sung các dịch vụ khám/kiểm tra mà CBNV Bên A yêu cầu. Giá dịch vụ đối với các yêu cầu phát sinh được áp dụng theo đơn giá niêm yết của Bên B tại thời điểm thực hiện khám chuyên khoa nữ. CBNV có yêu cầu khám/kiểm tra sức khỏe phát sinh có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ các chi phí phát sinh này trực tiếp tại bộ phận thu viện phí của Bên B.

8.3 Trong trường hợp Bên A có yêu cầu đặc biệt về Cán bộ, nhân viên y tế, trang thiết bị y tế của Bên B khi thực hiện các công việc/Dịch vụ y tế quy định tại Điều 1 thì Bên B sẽ thông báo biểu giá, chi phí phát sinh để thực hiện những yêu cầu đó. Các bên sẽ ký kết Phụ lục riêng về vấn đề này.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời gian nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: cùng ngày hợp đồng được hai bên ký kết.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bằng bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành; nộp tiền mặt hoặc đặt cọc theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bên mời cung cấp (*Công ty Quản lý bay miền Bắc - Chi nhánh Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam - Công ty TNHH, số TK: 020029058688 tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) chi nhánh Long Biên, Hà Nội*).

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng, tương đương đồng.

Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho

Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: 10 ngày kể từ khi hai bên ký thanh lý hợp đồng.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

10.1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

10.2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm phần hợp đồng đó.

10.3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Bảo mật và Giải quyết tranh chấp

11.1 Cam kết bảo mật: Hai bên cùng cam kết rằng tất cả những nội dung đã thỏa thuận tại Hợp đồng này và những thỏa thuận khác kèm theo bằng văn bản hoặc bằng lời nói (nếu có) được các bên bảo mật tuyệt đối và không tiết lộ cho Bên thứ ba, trừ trường hợp vụ việc giải quyết tranh chấp bởi bên thứ ba được các bên lựa chọn hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bên nào vi phạm nghĩa vụ bảo mật này, phải bồi thường thiệt hại cho bên còn lại nếu việc vi phạm đó gây ra thiệt hại.

11.2 Giải quyết tranh chấp: Trong quá trình tổ chức thực hiện hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp quyền lợi và nghĩa vụ từ hợp đồng này, hai bên cam đoan cùng tự giải quyết trước hết thông qua tự thương lượng, hòa giải. Nếu việc tự đàm phán thương lượng không thành, một bên có quyền khởi kiện tại Tòa án để giải quyết. Tòa án được các bên lựa chọn giải quyết là Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

11.3 Trong thời gian xảy ra tranh chấp và trong thời gian chờ đợi phán quyết của cơ quan có thẩm quyền. Tuyệt đối hai bên không được thực hiện các hành động làm ảnh hưởng đến uy tín và danh dự của nhau. Nếu bên nào vi phạm, phải chịu bồi thường mọi thiệt hại từ hành vi đó cho bên còn lại.

11.4 Khi xảy ra tranh chấp hoặc chờ phân xử của cơ quan chức năng, việc tạm ngừng thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng không bị xem là vi phạm và không bên nào phải chịu trách nhiệm cho đến khi có thỏa thuận hoặc phán quyết cuối cùng của cơ quan chức năng.

Điều 12. Cam kết trách nhiệm

12.1 Cam kết của bên A:

a. Bên A cam kết hợp tác đầy đủ với bên B trong việc thực hiện các nghĩa vụ

hỗ trợ của mình. Trường hợp có sự thay đổi về danh sách khám, điều kiện khám hoặc các yếu tố xác định ảnh hưởng trực tiếp đến công tác tổ chức khám chuyên khoa nữ phải kịp thời thông báo cho bên B biết để hai bên xử lý phù hợp. Bên B sẽ không chịu trách nhiệm nếu bên A không thông báo (dưới mọi hình thức) hoặc báo khi đã tổ chức khám và bên A phải thanh toán mọi chi phí đã phát sinh.

b. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu xảy ra các vấn đề mà từ phía bên A cho là chưa phù hợp, bên A cam kết chờ đợi phản hồi bằng văn bản của bên B trước khi tự ý thông tin vụ việc chuyển đến một bên thứ ba/cơ quan/tổ chức khác ngoài hợp đồng này. Nếu bên A vi phạm cam kết này (kể cả những xung đột công việc mà hai bên chưa thống nhất được), bên B có quyền từ chối mọi yêu cầu phát sinh kể từ ngày Bên A vi phạm mà không phải chịu bất kỳ chi phí trách nhiệm nào, có quyền đòi bồi thường nhận bồi thường nếu việc này đã gây phương hại đến uy tín, danh dự, thương hiệu của Bên B.

d. Trong trường hợp bên A muốn thay đổi địa điểm tổ chức mà thời gian đến ngày tổ chức khám còn dưới 05 ngày và được Bên B đồng ý thì bên A cam kết sẽ thanh toán bổ sung chi phí thuê địa điểm khám phát sinh từ việc thay đổi này (nếu có) cùng với chi phí khám theo hợp đồng.

12.2 Cam kết bên B

a. Thông báo kịp thời cho bên A biết khi điều kiện tổ chức khám chuyên khoa nữ thay đổi không phù hợp với danh mục khám, trường hợp báo muộn hoặc không báo cho bên A, bên B phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các chi phí phát sinh từ hành động này.

b. Cam kết nhân sự tham gia khám chuyên khoa nữ cho bên A có trình độ và chuyên môn đáp ứng đầy đủ các yêu cầu khám chữa bệnh của bên A. Bên A có quyền yêu cầu kiểm tra các giấy tờ chứng minh nhân sự bên B tham gia khám là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

c. Cam kết đảm bảo chất lượng khám đúng quy định pháp luật cho CBNV bên A, trường hợp bên A chứng minh được bên B khám chưa đảm bảo đúng quy định pháp luật về khám chuyên khoa nữ cho CBNV nào thì bên B cam kết không thu tiền khám đối với CBNV đó và chịu phạt thêm đúng bằng số tiền khám không thu nêu trên.

d. Bên B cam kết trả lời bằng văn bản trong vòng 05 ngày làm việc đối với mọi ý kiến thắc mắc từ phía bên A. Hết thời hạn này bên A có quyền thực hiện các hành động được cho là phù hợp từ phía bên A trong vấn đề xử lý các ý kiến thắc mắc đó.

e. Bên B không chịu trách nhiệm nếu có CBNV của Bên A không tuân thủ đúng hướng dẫn/chỉ dẫn/ yêu cầu đặc biệt mà Bên B đã chỉ dẫn cho Bên A biết để thông báo đến cho CBNV thực hiện trước khi đến khám chuyên khoa nữ dẫn đến kết quả khám, chẩn đoán mà Bác sĩ, nhân viên y tế của Bên B kết luận không chính xác.

Điều 13. Phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

13.1 Phạt do vi phạm hợp đồng:

Trong trường hợp bên nào chậm hoàn thành nghĩa vụ của mình theo cam kết tại hợp đồng này thì bên đó sẽ phải chi trả cho bên bị vi phạm tiền phạt hợp

đồng tương ứng với phần giá trị vi phạm. Mức phạt như sau:

- 0.5% giá trị hợp đồng bị vi phạm cho mỗi tuần chậm tiến độ cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Cú đủ 07 ngày chậm tiến độ được tính là 01 tuần, kể từ thời điểm xác định chậm tiến độ; các tuần sau trở đi được tính nối tiếp.

- Tổng giá trị phạt tối đa không quá 8% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm theo quy định của pháp luật. Khi phạt đến mức tối đa, Công ty Quản lý bay miền Bắc có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định.

13.2 Mức đền bù thiệt hại: Nếu Bên nào gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm bồi hoàn toàn bộ mọi thiệt hại gây ra đối với bên kia khi được chứng minh một cách khách quan bởi các cơ quan công quyền của nhà nước như: Thanh tra, thuế vụ, công an hoặc Tòa án để xác định giá trị thiệt hại.

Điều 13. Hiệu lực hợp đồng

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng..
- Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành __ bộ, Chủ đầu tư giữ __ bộ, nhà thầu giữ __ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà cung cấp theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng nêu tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.